TAND HUYỆN TAM ĐƯỜNG
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2019/HS-ST
Ngày 16/4/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Trung Phước**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vàng Văn Chài**, ông **Hảng Anh Dũng**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông **Phạm Khắc Huân** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Đường.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa*:**

Ông **Nguyễn Hùng K** - Kiểm sát viên

Ngày 16/4/2019, tại Trụ sở UBND xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, thụ lý số 09/2019/TLST-HS ngày 21/3/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HS ngày 03/4/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **LÒ VĂN X** - Sinh năm 1996

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Lào; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Lò Văn X, sinh năm 1979 và bà Lò Thị C, sinh năm 1980; Gia đình bị cáo có 03 anh, em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Bị cáo có vợ là Lò Thị H, sinh năm 1997 (Đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Lò Văn X bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/01/2019, được giao cho UBND xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu quản lý. Nhưng trong thời gian cấm đi khỏi nơi cư trú bị cáo đã vi phạm nghĩa vụ cam đoan của người được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, tự ý đi khỏi nơi cư trú mà không được sự cho phép của Cơ quan đã ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Không có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan điều tra, vi phạm vào khoản 2 Điều 123 BLTTHS. Nên ngày 11/3/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Lệnh bắt bị cáo để tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T cho đến nay (Có mặt).

Bị hại: Hoàng Văn Q, sinh năm 1986.

Nơi ĐKHKTT: Bản S, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Có đơn xin vắng mặt).

Người làm chứng

Người làm chứng 1: Đèo Văn T, sinh năm 1979

Nơi ĐKHKTT: Bản N, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Người làm chứng 2: Hoàng Văn K, sinh năm 1988.

Nơi ĐKHKTT: Bản N, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Người làm chứng 3: Nguyễn Quý V, sinh năm 1994.

Nơi ĐKHKTT: Bản H, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu.

(Cả ba người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 00 giờ 40 phút ngày 18/01/2019 trong lúc Lò Văn X đi bộ đi chơi tại bản N, xã B, huyện T thấy nhà anh Đèo Văn T sinh năm 1979 đang xây dở, chưa có cổng, chưa lắp cửa (lúc này anh Đèo Văn T không ở nhà), qua ánh điện sáng X nhìn thấy trong nhà anh T có chiếc điếu cày để ở phòng khách, do thèm thuốc lào nên X đã đi vào nhà hút thuốc lào, hút thuốc lào xong X đi vào phòng thứ 3 bên trái theo hướng vào của căn nhà tìm nước uống thì nhìn thấy anh Hoàng Văn Q sinh năm 1986, trú tại bản S, xã S thành phố L và anh Hoàng Văn K sinh năm 1988, trú tại bản N, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu đang nằm ngủ trên chiếc đệm rải dưới nền nhà, nhìn thấy trên đầu của anh Q có 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu HUAWEI Y9, màu đen có ốp lưng bằng nhựa, màu trắng trong suốt liền nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên. Quan sát thấy anh K và anh Q ngủ say, X lại gần cầm chiếc điện thoại lên cho vào túi quần bên trái đang mặc trên người rồi đi thẳng về nhà mình ở bản N, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu. Về đến nhà X không bỏ điện thoại ra xem mà để nguyên trong túi quần để ở đầu giường ngủ không cho ai biết. Đến khoảng 8 giờ cùng ngày, X bỏ chiếc điện thoại trộm cắp được ra xem nhưng điện thoại không có sim và bị cài mật khẩu nên X không mở được nên tắt nguồn và dấu điện thoại vào túi quần như cũ.

Đến khoảng 18 giờ ngày 19/01/2019, X mượn điện thoại của mẹ đẻ là bà Lò Thị C gọi điện thoại cho anh Nguyễn Quý V sinh năm 1994, trú tại bản H , xã B, huyện T là thợ sửa chữa điện thoại để hỏi cách mở khóa và anh V có hẹn X sáng hôm sau mang điện thoại ra mở khóa. Như đã hẹn khoảng 9 giờ ngày 20/01/2019, X cầm theo chiếc điện thoại đi bộ ra cửa hàng sửa chữa điện thoại gặp và nhờ anh Vình mở khóa hộ nhưng anh V đang có việc bận nên X cầm điện thoại trên tay đứng đợi. Đúng lúc này anh Q và anh T vừa đi đến nhìn thấy chiếc điện thoại X cầm trên tay giống điện thoại di động của anh Q bị mất ngày 18/01/2019 nên đã trình báo với Công an xã B, huyện T. Qua kiểm tra xác nhận IMEI và mật khẩu anh Q đăng nhập khớp và mở được điện thoại nên anh Q đã khẳng định đây là điện thoại của mình và anh Q đã cung cấp hóa đơn mua hàng có IMEI phù hợp điện thoại mà X đã trộm cắp. Ngay sau đó Lò Văn X được đưa về trụ sở xã B, huyện T để điều tra, làm rõ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản ngày 23/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện T, tỉnh Lai Châu kết luận: "Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI Y9, màu đen, IMEI1 867743045968127, IMEI: 0131491001291, đã qua sử dụng (mua mới vào ngày 08/01/2019) phía sau có 01 tem màu trắng ở góc phải phía dưới, bên cạnh tem có chữ HUAWEI màu trắng in nổi. Điện thoại có ốp lưng bằng nhựa màu trắng trong suốt, không có sim kèm theo. Tổng giá trị là 5.000.000 đồng".

Ngày 13/3/2019 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Q là chủ sở hữu hợp pháp chiếc điện thoại nêu trên.

Cáo trạng số 09/CT-VKSTĐ ngày 20/03/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố Lò Văn X phạm vào tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lò Văn X đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, những

người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án về không gian, thời gian, địa điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo phạm tội Lò Văn X phạm vào tội Trộm cắp tài sản. Về hình phạt đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51/Bộ luật hình sự, đề nghị tuyên phạt Lò Văn X mức án từ 09 đến 12 tháng tù, miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Trong các lời khai có trong hồ sơ vụ án của bị hại Hoàng Văn Q thể hiện chiếc điện di động bị Lò Văn X trộm cắp đã được thu giữ và trao trả, tuy nhiên anh Q yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền 2.000.000 đồng tiền công tìm kiếm chiếc điện thoại. Tại đơn xin vắng mặt, anh Q thay đổi ý kiến, không yêu cầu bị cáo X phải bồi thường số tiền nêu trên. Về hình phạt đề nghị HĐXX xét xử hành vi của bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và cấu thành tội phạm.

Vào khoảng 00 giờ 40 ngày 18/01/2019, tại ngôi nhà đang xây của gia đình anh Đèo Văn T, sinh năm 1979, ở bản N, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu, lợi dụng lúc anh Hoàng Văn Q sinh năm 1986, trú tại bản S, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu đang ngủ say, Lò Văn X đã trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI Y9, màu đen, có ốp lưng điện thoại bằng nhựa trong suốt có tổng giá trị là 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)* để đem bán lấy tiền tiêu dùng cá nhân và mua ma túy sử dụng nhưng chưa kịp bán thì bị phát hiện và thu giữ vật chứng. Hành vi của bị cáo Lò Văn X thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3]. Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Tài sản của công dân là khách thể được pháp luật bảo vệ, vì vậy mọi hành vi chiếm đoạt bất hợp pháp tài sản của người khác cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4]. Về nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lò Văn X được sinh ra trong một gia đình lao động, mặc dù có tuổi đời còn trẻ, song không chịu khó tu dưỡng rèn luyện mà lại ăn chơi, đua đòi và bị nghiện chất ma túy. Chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, và mua ma túy sử dụng, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy cần có một mức án tương xứng với

hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo, cai nghiện trở thành công dân có ích.

Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bên cạnh đó bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại địa phương có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn, vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo Lò Văn X không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản trộm cắp đã được thu giữ và trao trả, nay bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về tên gọi khác của bị cáo trong Cáo trạng số 09/CT-VKSTĐ ngày 20/03/2019: Trong hồ sơ vụ án từ bút lục số 173 đến bút lục 180 là các tài liệu thể hiện đối tượng Lò Văn Đ đã bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 38/2017, ngày 15/11/2017. Theo các tài liệu này, người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là Lò Văn Đ, không có tên gọi khác, sinh ngày 12/6/1996, có bố là Lò Văn X và mẹ là Lò Thị Cáu P. Trong lý lịch bị can (Bút lục 104) thể hiện bị cáo có tên gọi là Lò Văn X, không có tên gọi khác, sinh ngày 12/6/1996, có bố là Lò Văn X và mẹ là Lò Thị C. Bên cạnh đó tại Trích lục tiền án, tiền sự (Bút lục số 99) có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo Lò Văn X không có tiền án, tiền sự. Đối chiếu các tài liệu về nhân thân của bị cáo Lò Văn X và người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc Lò Văn Đ thì không phải là một người. Mặc dù tại phiên tòa bị cáo có khai nhận bản thân đã bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tên thường gọi là Lò Văn Đ. Tuy vậy các tài liệu nói trên không phù hợp với nhau, không thể chứng minh bị cáo Lò Văn X có tên gọi khác là Lò Văn Đ đồng thời không có cơ sở khẳng định trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân xấu là đã bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội thì HĐXX không có căn cứ cho rằng bị cáo Lò Văn X có tên gọi khác là Lò Văn Đ và đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

[7]. Về vật chứng: Vật chứng là chiếc điện thoại di động bị cáo trộm cắp của anh Hoàng Văn Q, Cơ quan điều tra đã xử lý bằng hình thức trao trả tài sản nói trên cho chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có khả năng chấp hành hình phạt bổ sung là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9]. Liên quan trong vụ án: Anh Nguyễn Quý V là người được Lò Văn X liên hệ nhờ giúp mở khóa điện thoại, nhưng anh V chưa mở và cũng không biết đó là tại sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH 13 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51/Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 135, Điều 331, Điều 333/Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lò Văn X phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lò Văn X 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/3/2019.

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn mười lăm ngày lên Toà án cấp trên kể từ ngày tuyên án, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày lên Tòa án cấp trên kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án ND tỉnh Lai Châu.
- VKSND tỉnh Lai Châu.
- Sở tư pháp Lai Châu
- VKSND huyện T
- Chi cục THADS huyện T
- Nhà TG.
- Người TGTT.
- Bị cáo.
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đoàn Trung Phước